

<b>Trường:</b> ..... <b>Họ và tên:</b> ..... <b>Lớp:</b> .....	<b>Số báo danh</b>	<b>Kiểm tra cuối năm - Năm học 2022-2023</b>	
		<b>Môn: Toán – Lớp 3</b>	
		<b>Ngày kiểm tra:</b>	<b>Thời gian: 40 phút</b>
		<b>Chữ ký giám thị</b>	<b>Số mật mã</b>



Điểm		Chữ ký giám khảo	Số mật mã
Ghi bằng số	Ghi bằng chữ		

**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng (hoặc làm theo yêu cầu)**

**Câu 1: (M1 – 1đ)**

a) Số gồm 6 chục nghìn, 2 trăm, 4 chục và 7 đơn vị viết là:

- A. 6 247                      B. 62 047                      C. 60 247                      D. 60 427

b) Chữ số 3 trong số 81 036 có giá trị là

- A. 3                              B. 30                              C. 306                              D. 300

**Câu 2: (M2 – 1đ)**

a) Dãy số La Mã được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là:

- A. XI, IX, VII, IV, III                              B. IX, XI, VII, IV, III  
 C. III, IV, VII, IX, XI                              D. III, IV, VII, XI, IX

b) Số 12 256 làm tròn đến hàng nghìn ta được:

- A. 12 300                      B. 12 000                      C. 12 200                      D. 10 000

**Câu 3: (M2 – 1đ)**

a) Một hình chữ nhật có chiều rộng 15 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Chiều dài của hình chữ nhật đó là:

- A. 120 m                      B. 18 m                              C. 35 m                              D. 45 m

b) Một miếng gạch hình vuông có chu vi 24 dm. Cạnh của miếng gạch đó là:

- A. 6 dm                              B. 8 dm                              C. 48 dm                              D. 96 dm

**Câu 4: (M2 – 1đ) Đúng ghi Đ, sai ghi S:**

a) Tháng 4 có 30 ngày.

b) Thứ hai tuần này là ngày 12 tháng 5, vậy thứ ba tuần sau là ngày 17 tháng 5.

c) Hoa đến siêu thị lúc 7 giờ, đến 8 giờ kém 10 phút Hoa ra về. Vậy Hoa đi siêu thị hết 1 giờ 10 phút.

d) Mẹ cho Nam có 3 tờ giấy bạc mệnh giá 5 000 đồng. Vậy Nam có 15 000 đồng.

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

**Câu 5: (M3 – 1đ) Điền vào chỗ trống:**

a) Người ta uốn sợi dây thép thành một hình vuông cạnh 8 cm. Vậy độ dài đoạn dây thép cần dùng là .....

b) Thợ xây muốn sơn lại cửa sổ hình chữ nhật có chiều dài 1 m, chiều rộng kém chiều dài 4 dm. Vậy diện tích cửa sổ cần sơn là .....

**Câu 6: (M2 – 1đ)** Cho khối lượng nộm giấy trong phong trào Kế hoạch nhỏ của trường Trần Quốc Toản trong các năm 2021, 2022, 2023 lần lượt là: 1 150 kg, 1 250 kg; 1 600 kg.

a) Điền số thích hợp để hoàn thành bảng sau:

Năm	2021	2022	2023
Khối lượng			

b) Tổng số giấy trong cả ba năm trường đã nhận được là: .....kg

**Câu 7: (M2 – 1đ)** Tính giá trị của biểu thức:

a)  $(1\,478 + 2\,354) : 4$

b)  $1\,500 \times 6 - 3\,000$

.....  
.....  
.....

**Câu 8: (M2 – 1đ)** Đặt tính rồi tính:

$41\,635 + 12\,715$

$87\,706 - 6\,613$

$2\,109 \times 4$

$36\,012 : 6$

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 9: (M3 – 1đ)** Trong một ngày khu vui chơi Đại Nam bán được 5 200 vé trẻ em, số vé người lớn bán được gấp 3 lần số vé trẻ em. Hỏi khu vui chơi bán được tất cả bao nhiêu vé người lớn và trẻ em?

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 10: (M3 – 1đ)** Tìm một số biết nếu lấy số đó chia cho số chẵn lớn nhất có một chữ số thì được 10 và số dư là số dư lớn nhất.

Bài giải

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI NĂM NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: TOÁN – LỚP 3**

**I. Ma trận bảng 1**

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL
<b>Số và phép tính:</b> tính giá trị của biểu thức; cộng, trừ các số trong phạm vi 100 000; nhân (chia) số có năm chữ số với (cho) số có một chữ số; làm tròn số; số La Mã.	Số câu	1		1	2		1	2	3
	Số điểm	1		1	2		1	2	3
<b>Đại lượng và đo đại lượng:</b> các đơn vị đo độ dài, khối lượng, dung tích, thời gian; tiền Việt Nam.	Số câu			1				1	
	Số điểm			1				1	
<b>Yếu tố hình học:</b> Hình phẳng và hình khối; tính chu vi, diện tích hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.	Số câu			1			1	1	1
	Số điểm			1			1	1	1
<b>Yếu tố thống kê, xác suất</b>	Số câu				1				1
	Số điểm				1				1
<b>Giải bài toán có lời văn</b>	Số câu						1		1
	Số điểm						1		1
<b>Tổng</b>	Số câu	1		3	3		3	4	6
	Số điểm	1		3	3		3	4	6

**II. Ma trận bảng 2**

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Số học	Số câu	1		1	2		1	5
		Câu số	1		2	7,8		10	
2	Đại lượng và đo đại lượng	Số câu			1				1
		Câu số			4				
3	Yếu tố hình học	Số câu			1			1	2
		Câu số			3			5	
4	Yếu tố thống kê, xác suất	Số câu				1			1
		Câu số				6			
5	Giải bài toán có lời văn	Số câu						1	1
		Câu số						9	
<b>Tổng số câu</b>			<b>1</b>		<b>3</b>	<b>3</b>		<b>3</b>	<b>10</b>
<b>Tổng số</b>			<b>1</b>		<b>6</b>		<b>3</b>		<b>10</b>

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM MÔN TOÁN LỚP 3**  
**KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI NĂM**

Câu - Điểm	Câu đúng	Diễn giải								
<b>Câu 1:</b> (M1 – 1đ)	a) <b>C.</b> 60 247 b) <b>B.</b> 30	Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.								
<b>Câu 2:</b> (M2 – 1đ)	a) <b>A.</b> XI, IX, VII, IV, III b) <b>B.</b> 12 000	Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.								
<b>Câu 3 :</b> (M2 – 1đ)	a) <b>D.</b> 45 m b) <b>A.</b> 6 dm	Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.								
<b>Câu 4:</b> (M2 – 1đ)	a) <b>Đ</b> b) <b>S</b> c) <b>S</b> d) <b>Đ</b>	Mỗi ý đúng đạt 0.25 điểm.								
<b>Câu 5:</b> (M3 – 1đ)	a) <b>32 cm</b> b) <b>60 dm<sup>2</sup></b>	Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm.								
<b>Câu 6:</b> (M2 – 1đ)	<table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2021</th> <th>2022</th> <th>2023</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khối lượng</td> <td><b>1150 kg</b></td> <td><b>1250 kg</b></td> <td><b>1600 kg</b></td> </tr> </tbody> </table> b) <b>4000 kg</b>	Năm	2021	2022	2023	Khối lượng	<b>1150 kg</b>	<b>1250 kg</b>	<b>1600 kg</b>	Mỗi ý đúng đạt 0.5 điểm. Câu a) viết số đúng nhưng thiếu đơn vị trừ 0.25 điểm.
Năm	2021	2022	2023							
Khối lượng	<b>1150 kg</b>	<b>1250 kg</b>	<b>1600 kg</b>							
<b>Câu 7:</b> (M2 – 1đ)	a) $(1\ 478 + 2\ 354) : 4$ b) $1\ 500 \times 6 - 3\ 000$ $= 3\ 832 : 4$ $= 9\ 000 - 3\ 000$ $= 958$ $= 6\ 000$	Mỗi bước đúng đạt 0.25 điểm.								
<b>Câu 8:</b> (M2 – 1đ)	<b>54 350,      81 093,      8 436,      6 002</b>	Mỗi phép tính đúng đạt 0.25 điểm.								
<b>Câu 9:</b> (M3 – 1đ)	Số vé người lớn khu vui chơi bán được là: $5\ 200 \times 3 = 15\ 600$ (vé) Số vé người lớn và trẻ em khu vui chơi bán được tất cả là: $5\ 200 + 15\ 600 = 20\ 800$ (vé) Đáp số: 20 800 vé	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm								
<b>Câu 10:</b> (M3 – 1đ)	Số chẵn lớn nhất có một chữ số là: 8 Số dư lớn nhất là: 7 Số bị chia là: $10 \times 8 + 7 = 87$ Đáp số: 87	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm								

**Thư viện Tiểu học – Ươm mầm tương lai đã có phiếu cuối tuần và bộ đề kiểm tra lớp 1, lớp 2, lớp 3 (sách Kết nối, Cánh diều, Chân trời sáng tạo) và lớp 4, 5**

**NHẬP LINK XEM THỦ TÀI LIỆU THƯ VIỆN**

**Lớp 1:**

[https://drive.google.com/drive/folders/18vSFIyEJ\\_y5c9uYnJbuJnFQogN6sSnKr?usp=sharing](https://drive.google.com/drive/folders/18vSFIyEJ_y5c9uYnJbuJnFQogN6sSnKr?usp=sharing)

**Lớp 2:**

<https://drive.google.com/drive/folders/1NyVNEM5LXRgBRvII0r860OXW5xhDWia5?usp=sharing>

**Lớp 3:**

<https://drive.google.com/drive/folders/1uN6s8vodQOQRIdLzRntfWBcIjHvkmX5K?usp=sharing>

**Lớp 4:**

[https://drive.google.com/drive/folders/1Y1-51OeKlJsryh958MV9Y8wVAF\\_jm8Bh?usp=sharing](https://drive.google.com/drive/folders/1Y1-51OeKlJsryh958MV9Y8wVAF_jm8Bh?usp=sharing)

**Lớp 5:**

[https://drive.google.com/drive/folders/14MYguk6MuHaILRBCQZj6oIEwB65j9bI\\_?usp=sharing](https://drive.google.com/drive/folders/14MYguk6MuHaILRBCQZj6oIEwB65j9bI_?usp=sharing)

**ĐĂNG KÝ NHẬN BẢN MỀM CÓ PHÍ TÀI LIỆU HAY BẠC TIỂU HỌC CỦA THƯ VIỆN**

bằng cách:

**=> INBOX trang thư viện theo link sau:**

**<https://www.facebook.com/tangkinhcactieuhoc>**

**=> Hoặc nhắn tin số Zalo: 0978203282**

**ĐĂNG KÝ LỚP VĂN ONLINE DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 2, 3 4. 5 CỦA GÁC VĂN TIỂU HỌC**

bằng cách:

**=> INBOX trang Góc văn Tiểu học theo link sau::**

**<https://www.facebook.com/GacvanTieuhoc>**

**=> Hoặc nhắn tin số Zalo: 0978203282**

